

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ G
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07 / 03 / 2024.

V/v: Tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân
2. Bà Trần Lệ Nga
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 03 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố G xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 565/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1969. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Số 01 Nguyễn Cư Trinh, P. Q, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ tạm trú: Số 58 Lương Văn Cang, P. A, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Chiêm Ngọc A**, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 01 Nguyễn Cư Trinh, P. Q, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn ông **Lê Văn B** trình bày: Tôi và bà A chung sống với nhau vào năm 1996 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Q cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/9/2013.

Nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cụ thể ông B cho rằng bà A thường xuyên chửi

mắng xúc phạm, dùng những lời nói khó nghe, mặt khác bà A không biết dạy dỗ con cái để con ăn chơi, hư hỏng, phá tán tài sản gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt nên không còn tình cảm, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, vì vậy tôi yêu cầu được ly hôn với bà A .

- Về con chung: Ông B xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Lê Văn B, sinh năm 1997 và Lê Thị Ngọc M, sinh năm 2004. Hiện 02 người con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn bà Chiêm Ngọc A:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn bà Chiêm Ngọc A vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp xin ly hôn”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G . Đối với bị đơn bà Chiêm Ngọc A Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Chiêm Ngọc A nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Quang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/9/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông B, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông B và bà A không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, ông B trình bày nguyên nhân là do bà A thường xuyên chửi mắng xúc phạm, dùng những lời nói khó nghe, mặt khác bà A không biết dạy dỗ

con cái để con ăn chơi, hư hỏng, phá tán tài sản gia đình. Đến năm 2022 hai bên đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm, liên lạc với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông B và bà A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B được ly hôn với bà A.

Về quan hệ con chung: Ông B xác định có 02 người con chung tên Lê Văn B, sinh năm 1997 và Lê Thị Ngọc M sinh năm 2004. Hiện 02 người con chung đã trưởng thành ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn bà Chiêm Ngọc A, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà A không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu bà A có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì bà A có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn B đối với bà Chiêm Ngọc A.

Tuyên bố ông Lê Văn B được ly hôn với bà Chiêm Ngọc A.

2. Về quan hệ con chung: Ông B xác định có 02 người con chung tên Lê Văn B, sinh năm 1997 và Lê Thị Ngọc M sinh năm 2004. Hiện 02 người con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Ông B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002890 ngày 08/11/2023 nên ông B không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TPG
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TPG
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ G
TỈNH KIÊN GIANG
---☞☛---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---☞☛---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút ngày 07 tháng 3 năm 2024
Tại trụ sở TAND thành phố G
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Lệ Nga** và bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân**
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 565/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” giữa:
- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn Bé**, sinh năm 1969.
HKTT: Số 01 Nguyễn Cư Trinh, P. Vĩnh Quang, TP. G , tỉnh Kiên Giang.
Địa chỉ tạm trú: Số 58 Lương Văn Cang, P. An Bình, TP. G , tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Chiêm Ngọc A**, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Số 01 Nguyễn Cư Trinh, P. Vĩnh Quang, TP. G , tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn Bđối với bà Chiêm Ngọc A.

Tuyên bố ông Lê Văn Bđược ly hôn với bà Chiêm Ngọc A.

2. Về quan hệ con chung: Ông Bxác định có 02 người con chung tên Lê Văn Buôl, sinh năm 1997 và Lê Thị Ngọc Mai sinh năm 2004. Hiện 02 người con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông Bxác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Ông Bxác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Lê Văn Bphải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002890 ngày 08/11/2023 nên ông Bkhông phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút ngày 07 tháng 3 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa